HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAK PƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/NQ-HĐND	*Đak Pơ, ngày 21 tháng 12 năm 2017*

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn thuộc nguồn vốn ngân sách huyện giai đoạn 2016-2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK PƠ
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của UBND tỉnh Gia Lai về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 156/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X – Kỳ họp thứ 11 về việc quyết định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp của tỉnh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 21/12/2016 của HĐND huyện Đak Pơ, khóa III, Kỳ họp thứ Hai về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 thuộc nguồn ngân sách huyện;

Căn cứ Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 02/10/2017 của UBND tỉnh Gia Lai giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (nguồn vốn ngân sách địa phương);

Xét Tờ trình số 141/TTr-UBND, ngày 15/12/2017 của UBND huyện về việc đề nghị điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn thuộc nguồn vốn ngân sách huyện giai đoạn 2016-2020; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại Kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn thuộc nguồn vốn ngân sách huyện giai đoạn 2016-2020 theo nội dung Tờ trình số 141/TTr-UBND ngày 15/12/2017 của UBND huyện, cụ thể như sau:

Tổng nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện là: 78,880 tỷ đồng. (Gồm: Đầu tư cơ sở hạ tầng là: 67,076 tỷ đồng; đầu tư cho khoa học công nghệ là: 2,500 tỷ đồng; chuẩn bị đầu tư: 4,571 tỷ đồng; dự phòng: 4,733 tỷ đồng).

Trong đó:

- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 12,000 tỷ đồng.
- Nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh phân cấp: 49,500 tỷ đồng.
- Các nguồn vốn hợp pháp khác: 17,380 tỷ đồng.

(Có Danh mục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân huyện Đak Pơ, khóa III, Kỳ họp thứ Hai về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 thuộc nguồn ngân sách huyện.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa III, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 21/12/2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận :
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch - ĐT;
- TT. Huyện ủy;

(b/cáo)

- TT. HĐND huyện;
- UBND huyện; UBMTTQ huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- VP Huyện ủy;
- VP. HĐND&UBND huyện;
- Phòng Tài chính-KH;
- Các cơ quan, ban, ngành huyện;
- Các cơ quan Tỉnh, TW trên địa bàn huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Đài TT-TH huyện; Cổng TTĐT huyện;(công bố)
- Lưu: VT, Đ/c Thy.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK PƠ GIA LAI

Ngô Khắc Ngọc



ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020
THUỘC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết số 10 /NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2017 của HĐND huyện Đak Pơ)

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung phê duyệt theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 21/12/2016 của Hội đồng nhân dân huyện Đak Pơ							Nội dung điều chỉnh						Ghi chú
STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 5 năm 2016-2020	Tên dự án	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 5 năm 2016-2020		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*		*13*
	TỔNG CỘNG				**85.405,8**	**78.889,0**	**TỔNG CỘNG**			**80.272,0**	**78.880,0**		
I	**Giao thông**				**23.580,8**	**21.241,0**	**Giao thông**			**18.594,8**	**18.412,0**		
1	Đường khu quy hoạch dân cư trước Trường THPT Y Đôn	TT Đak Pơ	Mặt đường BTXM đá 2x4 mác 200 dày 200; Bn=5m; Bm=3m; chiều dài L=2.514,7m.	2016-2018	5.000,0	4.500,0	Đường khu quy hoạch dân cư trước Trường THPT Y Đôn	Mặt đường BTXM đá 2x4 mác 200 dày 200; Bn=5m; Bm=3m; chiều dài L=673m.	2016	1.620,0	1.600,0		
2	Đường số 17 - Đoạn từ đường số 3 đến đường vào làng Gliêk 1 (Đường Võ Nguyên Giáp)	TT Đak Pơ	Mặt đường BTXM đá 2x4 mác 250 dày 20cm; Bn=7m; Bm=5m; chiều dài L=1.010m.	2018-2020	2.485,0	2.237,0	Đường số 17 - Đoạn từ đường số 3 đến đường vào làng Gliêk 1 (Đường Võ Nguyên Giáp)	Mặt đường BTXM đá 2x4 mác 250 dày 20cm; Bn=7m; Bm=5m; chiều dài L=1.010m.	2019-2020	2.860,0	2.860,0		
3	Đường số 21	TT Đak Pơ	Mặt đường BT đá 2x4 mác 250 dày 20cm; L=1.182m; Bn=7,5m; Bm=6,0m	2018-2020	2.385,0	2.147,0	Đường số 21	Mặt đường BT đá 2x4 mác 250 dày 20cm; L=1.182m; Bn=7,5m; Bm=6,0m	2019-2020	3.690,0	3.690,0		
4	Đường số 22	TT Đak Pơ	Mặt đường BT đá 2x4 mác 250 dày 20cm; L=995m; Bn=7,5m; Bm=6,0m	2018-2020	1.910,0	1.719,0	Đường số 22	Mặt đường BT đá 2x4 mác 250 dày 20cm; L=995m; Bn=7,5m; Bm=6,0m	2018-2019	2.995,0	2.995,0		
5	Đường số 5 nối dài (Đường Phạm Văn Đồng)	TT Đak Pơ	Mặt đường BT đá 2x4 mác 250 dày 20cm; L=855m; Bn=7,5m; Bm=6,0m	2018-2020	1.750,0	1.575,0	Đường số 5 nối dài (Đường Phạm Văn Đồng)	Mặt đường BT đá 2x4 mác 250 dày 20cm; L=855m; Bn=7,5m; Bm=6,0m	2019-2020	2.679,0	2.679,0		
6	Đường số 04 (Đường Nguyễn Tất Thành)	TT Đak Pơ	Mặt đường BT nhựa nóng hạt trung dày 7cm; với chiều dài L=576m; Bm=(7,5x2)m	2018-2020	4.750,0	4.275,0							
7	Đường trước Đền tưởng niệm và Tượng đài chiến thắng Đak Pơ	Xã An Thành	Tổng chiều dài tuyến, L=663,95m, nền đường Bn=5m, Bm=3m, mặt đường BTXM đá 2x4, mác 250 dày 20cm.	2017	1.117,5	1.016,0	Đường trước Đền tưởng niệm và Tượng đài chiến thắng Đak Pơ	Tổng chiều dài tuyến, L=663,95m, nền đường Bn=5m, Bm=3m, mặt đường BTXM đá 2x4, mác 250 dày 20cm.	2017	1.117,5	1.016,0		
8	Đường liên thôn An Lợi đi An Phong, xã Phú An	Xã Phú An	Tổng chiều dài tuyến, L=3.500m, nền đường Bn=5m, mặt đường cấp phối đất đồi chọn lọc, Bm=5m	2017-2019	3.500,0	3.150,0	Đường liên thôn An Lợi đi An Phong, xã Phú An (02 giai đoạn)	Tổng chiều dài tuyến, L=1.613m, nền đường Bn=5m, mặt đường cấp phối đất đồi chọn lọc, Bm=5m	2017-2019	2.950,0	2.950,0		
9	Đường BTXM thôn Hiệp Phú, xã Cư An	Xã Cư An	Tổng chiều dài tuyến, L=364,5m, nền đường Bn=5m, mặt đường BTXM đá 2x4, mác 250 dày 20cm.	2017	683,3	622,0	Đường BTXM thôn Hiệp Phú, xã Cư An	Tổng chiều dài tuyến, L=364,5m, nền đường Bn=5m, mặt đường BTXM đá 2x4, mác 250 dày 20cm.	2017	683,3	622,0		
II	**Thủy lợi**				**2.600,0**	**2.340,0**	**Thủy lợi**						
1	Cải tạo nâng cấp Hồ Thôn Trang	Xã Yang Bắc	Nạo vét, mở rộng lòng hồ	2018-2020	800,0	720,0							
2	Đập Cây Gòn	Xã Hà Tam	Kênh BTXM, chiều dài L = 450m, kích thước (40x30x8)cm	2018-2020	500,0	450,0							
3	Trạm bơm Tân Hội	Xã Tân An	Nhà trạm bơm cấp 1 và Kênh BTXM, chiều dài L=500m, kích thước (50x30x8)cm	2018-2020	1.300,0	1.170,0							

Nội dung phê duyệt theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 21/12/2016 của Hội đồng nhân dân huyện Đak Pơ							Nội dung điều chỉnh					Ghi chú
STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 5 năm 2016-2020	Tên dự án	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 5 năm 2016-2020	
III	**Giáo dục và Đào tạo**				**28.635,8**	**26.241,0**	**Giáo dục và Đào tạo**			**33.165,8**	**32.651,0**	
1	Trường tiểu học Đinh Tiên Hoàng	TT Đak Pơ	- Nhà đa năng: Cấp III, nhà 01 tầng, DTXD 518m^2; - Nhà bếp, nhà ăn: Cấp IV, nhà 01 tầng, DTXD 188m^2; - Nhà ở bán trú 5 phòng: Cấp IV, nhà 01 tầng, DTXD 125m^2; - Kè đá + sân bê tông với diện tích 938m^2. - Sửa chữa, cải tạo nhà ở giáo viên: DTXD 122m^2.	2016	4.326,9	4.326,0	Trường tiểu học Đinh Tiên Hoàng	- Nhà đa năng: Cấp III, nhà 01 tầng, DTXD 518m^2; - Nhà bếp, nhà ăn: Cấp IV, nhà 01 tầng, DTXD 188m^2; - Nhà ở bán trú 5 phòng: Cấp IV, nhà 01 tầng, DTXD 125m^2; - Kè đá + sân bê tông với diện tích 938m^2. - Sửa chữa, cải tạo nhà ở giáo viên: DTXD 122m^2.	2016	4.326,9	4.326,0	
2	Trường tiểu học Đinh Tiên Hoàng	TT Đak Pơ	Nhà học bộ môn 10 phòng, DTXD: 463m^2.	2018-2020	6.000,0	5.400,0						
3	Trường tiểu học Trần Phú	Xã Tân An	Nhà đa năng, DTXD: 532m^2; nhà học bộ môn 03 phòng , DTXD: 216m^2	2020	3.800,0	3.420,0	Trường tiểu học Trần Phú	Nhà đa năng, DTXD: 532m^2; nhà học bộ môn 03 phòng , DTXD: 216m^2	2020	3.800,0	3.800,0	
4	Trường tiểu học Đống Đa	Xã Phú An	Nhà đa năng, DTXD: 523m^2 và các hạng mục phụ	2018-2020	3.000,0	2.700,0	Trường tiểu học Đống Đa	Nhà đa năng, DTXD: 431m^2 và các hạng mục phụ	2018	2.500,0	2.500,0	
5	Trường tiểu học Ngô Quyền	Xã Tân An	Nhà thể thao đa năng, cấp II, 01 tầng, DTXD: 523m^2; các hạng mục phụ	2017	2.888,7	2.627,0	Trường tiểu học Ngô Quyền	Nhà thể thao đa năng, cấp II, 01 tầng, DTXD: 532m^2; các hạng mục phụ	2017	2.888,7	2.627,0	
6	Trường tiểu học Lê Quý Đôn	Xã Cư An	Nhà đa năng, DTXD: 532m^2 và các hạng mục phụ	2018-2020	3.000,0	2.700,0						
7	Trường tiểu học Trần Quang Khải	Xã Hà Tam	Nhà đa năng, DTXD: 532m^{2}và các hạng mục phụ	2018-2020	3.000,0	2.700,0	Trường tiểu học Trần Quang Khải	Nhà đa năng, DTXD: 523m^{2}và các hạng mục phụ	2018	3.000,0	3.000,0	
8	Trường tiểu học Ngô Quyền	Xã Tân An	Nhà học 04 phòng; DTXD: 312m^2 và các hạng mục phụ	2020	1.720,0	1.548,0	Trường tiểu học Ngô Quyền	Nhà học 04 phòng; DTXD: 312m^2 và các hạng mục phụ	2020	1.720,0	1.548,0	
9	Trường Trường mẫu giáo Tuổi Thơ (điểm trường thôn An Định)	Xã Cư An	Nhà học 01 phòng, DTXD: 81,55m^2; các hạng mục phụ.	2017	497,1	452,0	Trường Trường mẫu giáo Tuổi Thơ (điểm trường thôn An Định)	Nhà học 01 phòng, DTXD: 81,55m^2; các hạng mục phụ.	2017	497,1	452,0	
10	Trường tiểu học Trần Phú	Xã Tân An	Các hạng mục phụ: Nhà vệ sinh, giếng nước, sân bê tông	2017	404,0	368,0	Trường tiểu học Trần Phú	Các hạng mục phụ: Nhà vệ sinh, giếng nước, sân bê tông	2017	404,0	368,0	
11							Trường mẫu giáo Họa Mi	Nhà giáo dục thể chất, hiệu bộ: cấp IV, 01 tầng, DTXD 155,4m^2; cải tạo nhà ăn + bếp	2019-2020	1.210,0	1.210,0	
12							Trường mẫu giáo Hoa Pơ Lang	Nhà giáo dục thể chất, tin học: cấp IV, 01 tầng, DTXD 124,3m^2;	2019-2020	910,0	910,0	

Nội đung phê duyệt theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 21/12/2016 của Hội đồng nhân dân huyện Đak Pơ							Nội dung điều chỉnh					Ghi chú
STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 5 năm 2016-2020	Tên dự án	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 5 năm 2016-2020	
13							Trường mẫu giáo Hoa Mai	Nhà giáo dục thể chất, tin học: cấp IV, 01 tầng, DTXD 124,3m^2;	2019-2020	910,0	910,0	
14							Trường TH và THCS Kim Đồng	Nhà học bộ môn	2019-2020	3.000,0	3.000,0	
16							Trường TH và THCS Lương Thế Vinh	Nhà học bộ môn; tin học, nhạc họa	2019-2020	4.000,0	4.000,0	
15							Trường TH và THCS Đào Duy Từ	Nhà học bộ môn; tin học, nhạc họa, thư viện	2019-2020	4.000,0	4.000,0	
IV	**Các công trình khác**				**18.507,4**	**17.263,0**	**Các công trình khác**			**16.707,4**	**16.013,0**	
1	Trụ sở xã Ya Hội	Xã Ya Hội	- Hội trường: Nhà Cấp III, 01 tầng, DTXD 231,6m^2; - Nhà làm việc công an, xã đội: Cấp IV, 01 tầng, DTXD 87,75m^2; - Sân bê tông.	2016	1.950,1	1.950,0	Trụ sở xã Ya Hội	- Hội trường: Nhà Cấp III, 01 tầng, DTXD 231,6m^2; - Nhà làm việc công an, xã đội: Cấp IV, 01 tầng, DTXD 87,75m^2; - Sân bê tông.	2016	1.950,1	1.950,0	
2	Trụ sở xã Hà Tam	Xã Hà Tam	Nhà làm việc công an, xã đội: Cấp IV, 01 tầng, DTXD 97,5m^2;	2016	393,2	390,0	Trụ sở xã Hà Tam	Nhà làm việc công an, xã đội: Cấp IV, 01 tầng, DTXD 97,5m^2;	2016	393,2	390,0	
3	Trụ sở Huyện ủy	TT Đak Pơ	Nhà làm việc các Ban Đảng: Cấp III, 02 tầng, DTXD 248,92m^2; cầu nối và các hạng mục phụ	2016	2.746,9	2.545,0	Trụ sở Huyện ủy	Nhà làm việc các Ban Đảng: Cấp III, 02 tầng, DTXD 248,92m^2; cầu nối và các hạng mục phụ	2016	2.746,9	2.545,0	
4	Trụ sở Ủy ban Mặt trận huyện	TT Đak Pơ	Hội trường: Nhà Cấp III, 01 tầng, DTXD 344m^2 và các hạng mục phụ	2017	2.441,1	2.220,0	Trụ sở Ủy ban Mặt trận huyện	Hội trường: Nhà Cấp III, 01 tầng, DTXD 344m^2 và các hạng mục phụ	2017	2.441,1	2.220,0	
5	Trụ sở HĐND và UBND xã Cư An	Xã Cư An	Hội trường và nhà làm việc khối đoàn thể; Công an, Xã đội: Nhà cấp III, 02 tầng, DTXD 267,92m^2; các hạng mục phụ	2017	2.901,1	2.638,0	Trụ sở HĐND và UBND xã Cư An	Hội trường và nhà làm việc khối đoàn thể; Công an, Xã đội: Nhà cấp III, 02 tầng, DTXD 267,92m^2; các hạng mục phụ	2017	2.901,1	2.638,0	
6	Cải tạo, mở rộng mạng cấp nước sinh hoạt thị trấn Đak Pơ	Thị trấn Đak Pơ	Tổng chiều dài tuyến ống chính L=2.965m. Trong đó: Ống PVC D160 dày 6,2mm, L=1.825m; ống PVC D114 dày 5mm, L=1.140m.	2016	1.774,3	1.770,0	Cải tạo, mở rộng mạng cấp nước sinh hoạt thị trấn Đak Pơ	Tổng chiều dài tuyến ống chính L=2.965m. Trong đó: Ống PVC D160 dày 6,2mm, L=1.825m; ống PVC D114 dày 5mm, L=1.140m.	2016	1.774,3	1.770,0	
7	Sân Vận động	TT Đak Pơ	Mặt sân, hệ thống thoát nước	2018-2020	500,0	450,0	Sân Vận động	Mặt sân, hệ thống thoát nước	2019-2020	500,0	500,0	
8	Đền tưởng niệm và Tượng đài chiến thắng Đak Pơ	TT Đak Pơ	Nhà quản lý, khuôn viên	2018-2020	2.000,0	1.800,0	Đền tưởng niệm và Tượng đài chiến thắng Đak Pơ	Nhà quản lý, khuôn viên	2018	1.500,0	1.500,0	
9	San nền các khu quy hoạch dân cư.	TT Đak Pơ	Diện tích san nền: 125.000,0m^2.	2018-2020	3.000,0	2.700,0	San nền các khu quy hoạch dân cư.	Diện tích san nền: 125.000,0m^2.	2019-2020	1.700,0	1.700,0	

Nội dung phê duyệt theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 21/12/2016 của Hội đồng nhân dân huyện Đak Pơ							Nội dung điều chỉnh					Ghi chú
STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 5 năm 2016-2020	Tên dự án	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 5 năm 2016-2020	
10	San nền khu dân cư đường số 22 - Đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến đường Nguyễn Tất Thành	TT Đak Pơ	Diện tích san nền: 1,7475 ha.	2016	560,3	560,0	San nền khu dân cư đường số 22 - Đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến đường Nguyễn Tất Thành	Diện tích san nền: 1,7475 ha.	2016	560,3	560,0	
11	San nền khu dân cư đường Lê Lợi - Đoạn từ Quốc lộ 19 đến đường Võ Nguyên Giáp	TT Đak Pơ	Diện tích san nền: 0,448 ha.	2016	240,4	240,0	San nền khu dân cư đường Lê Lợi - Đoạn từ Quốc lộ 19 đến đường Võ Nguyên Giáp	Diện tích san nền: 0,448 ha.	2019-2020	240,4	240,0	
V	**Chi đầu tư cho Khoa học công nghệ**	**Các xã, thị trấn**		**2016-2020**	**2.777,8**	**2.500,0**	**Chi đầu tư cho Khoa học công nghệ**		**2016-2020**	**2.500,0**	**2.500,0**	
VI	**Chuẩn bị đầu tư các công trình 2016-2020 khoảng 2%**			**2016-2020**	**1.415,0**	**1.415,0**	**Chuẩn bị đầu tư các công trình 2016-2020**		**2016-2020**	**4.571,0**	**4.571,0**	
VII	**Dự phòng từ 10% trở lên (Dùng để bổ sung các dự án khẩn cấp, cần thiết mới phát sinh)**				**7.889,0**	**7.889,0**	**Dự phòng từ 10% trở lên (Dùng để bổ sung các dự án khẩn cấp, cần thiết mới phát sinh) - chỉ tính từ năm 2018-2020**			**4.733,0**	**4.733,0**	